

Bản án số: 813/2017/HC-PT
Ngày: 08-9-2017
V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong quản lý nhà nước về thuế.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Kim Thoa

Các Thẩm phán: Bà Lê Thu Thủy

Ông Trần Nam Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Lệ Hà – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Tuyền – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31 tháng 8 và 08 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 34/2017/TLPT-HC ngày 18 tháng 7 năm 2017 về “Khiếu kiện hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về thuế”

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2017/HC-ST ngày 31 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận 7 bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1715/2017/QĐ-PT ngày 08 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Lâm Chí B, sinh năm 1971.

Địa chỉ thường trú: Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ liên lạc: Phường Đ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Đỗ Thanh B, sinh năm 1987

Địa chỉ liên lạc: Phường Đ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Được ủy quyền theo Hợp đồng ủy quyền do ông Lâm Chí B lập ngày 20/8/2016 tại Văn phòng Công chứng Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Bùi Duy T – Văn phòng Luật sư Q thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người bị kiện: Chi cục Thuế Quận B, Thành phố H

Địa chỉ trụ sở: Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Bà Đào Thị Tuyết H – Phó Chi cục trưởng Chi cục Thuế Quận B, Thành phố H

(Được ủy quyền theo Giấy ủy quyền số 3932/CCT-HC ngày 25/8/2017 của Chi cục Thuế Quận B)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Bà Phan Thị Kim T, sinh năm: 1972

Địa chỉ liên lạc: Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh
(Giấy yêu cầu số 3908/CCT-HC ngày 25/8/2017 của Chi cục Thuế Quận B).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phát triển P

Địa chỉ trụ sở: Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phát triển P:

Ông Lê Hạnh K, sinh năm: 1950

(Được ủy quyền theo Giấy ủy quyền số 0309/PMH-PV.2017 ngày 08/3/2017 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phát triển P).

3.2. Bà Tôn Nữ Mai T, sinh năm 1973

Địa chỉ thường trú: Phường H, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ liên lạc: Phường Đ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của bà Tôn Nữ Mai T: Ông Đỗ Thanh B, sinh năm 1987

Địa chỉ liên lạc: Phường Đ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Được ủy quyền theo Hợp đồng ủy quyền do bà Tôn Nữ Mai T lập ngày 20/8/2016 tại Văn phòng Công chứng Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh).

4. Người kháng cáo: Ông Lâm Chí B – Người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/11/2016, ngày 30/12/2016 và ngày 09/01/2017 và lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, ông Lâm Chí B và người đại diện hợp pháp của ông Lâm Chí B là ông Đỗ Thanh B trình bày như sau:

Ngày 14/10/2010, ông Lâm Chí B ký kết Hợp đồng mua bán nhà số H562392-2010/PMH/CN-R1-3 với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Liên doanh P nay là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phát triển P (sau đây gọi là Công ty P) để mua căn hộ có ký hiệu số 8.B54, Lô R1-3 (số mới 3G3-02), khu phố Sky Garden 3, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Thông báo tiền thuế nợ, tiền phạt và tiền chậm nộp số 6011/TB-CCT-TB ngày 15/6/2016 (Thông báo số 6011/TB-CCT-TB), Chi cục Thuế Quận B đã yêu cầu ông B phải nộp số tiền phạt phát sinh từ ngày 16/10/2013 đến ngày 15/06/2016 là 86.288.900 đồng với lý do: ông B và bà T chậm nộp tiền sử dụng đất và tiền lệ phí trước bạ 155.000.800 đồng theo Thông báo nộp lệ phí trước bạ và nộp tiền sử dụng đất số 9181-11/TB-CCT-TBA của Chi cục Thuế Quận B ngày 06/9/2013 (Thông báo số 9181-11/TB-CCT-TBA).

Ông B không đồng ý với thông báo phạt nêu trên vì theo quy định tại Điều 106 Luật quản lý Thuế: “Người nộp thuế có hành vi chậm nộp thuế so với thời hạn quy định, thời hạn gia hạn nộp thuế, thời hạn ghi trong thông báo của cơ quan quản lý thuế, thời hạn trong quyết định xử lý của cơ quan quản lý thuế thì phải nộp tiền đủ tiền thuế và bị xử phạt 0,05% mỗi ngày tính trên số tiền thuế chậm nộp”; quy định tại Khoản 2 Điều 26 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính quy định về việc xử lý số thuế nộp thừa, số thuế nộp thiếu sau khi có quyết định giải quyết của cơ quan có thẩm quyền (Thông tư

số 156/2013/TT-BTC): “Thời hạn nộp thuế chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế đối với trường hợp người nộp thuế tính thuế hoặc thời hạn nộp thuế ghi trên thông báo, quyết định, văn bản của cơ quan thuế hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác” và quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 34 Thông tư số 156/2013/TT-BTC: “Số ngày chậm nộp tiền thuế (bao gồm cả ngày lễ, ngày nghỉ theo quy định của pháp luật) được tính từ ngày liền kề sau ngày cuối cùng của thời hạn nộp thuế, thời hạn gia hạn nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế, thời hạn nộp thuế ghi trong thông báo hoặc quyết định xử lý vi phạm pháp luật về thuế của cơ quan thuế hoặc quyết định xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đến ngày người nộp thuế nộp số tiền thuế vào ngân sách nhà nước”. Trên thực tế, đến ngày 14/06/2016, bà Phạm Nguyễn Hoàng Kim N là người đại diện theo ủy quyền của ông B mới nhận được Thông báo nộp lệ phí trước bạ và nộp tiền sử dụng đất số 9181-11/TB-CCT-TBA của Chi cục Thuế Quận B nên ngày cuối cùng của thời hạn nộp tiền theo Thông báo này là ngày 14/7/2016 và ngày phát sinh tính chậm nộp là ngày 15/7/2016, nhưng ngày 15/6/2016, bà N (đại diện cho ông B và bà T) đã nộp vào ngân sách số tiền nêu trên nên ông B và bà T không có chậm trễ trong việc nộp số tiền nêu trên. Do đó, việc Chi cục Thuế Quận B ban hành Thông báo số 6011/TB-CCT-TB phạt ông B và bà T số tiền 86.288.900 đồng do ông B và bà T chậm nộp số tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ là không đúng quy định của pháp luật.

Vì lý do nêu trên, ông B khởi kiện yêu cầu hủy Thông báo số 6011/TB-CCT-TB của Chi cục Thuế Quận B; Chi cục Thuế Quận B có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông B tổng số tiền 94.198.715 đồng bao gồm: 86.288.900 đồng đã nộp vào ngân sách nhà nước và khoản lãi phát sinh tính từ ngày 20/6/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm (tạm tính 11 tháng) là 7.909.815 đồng theo quy định tại Điều 74 của Thông tư 156/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Người bị kiện là Chi cục Thuế Quận B có bà Đào Thị Tuyết H là người đại diện hợp pháp trình bày:

Ngày 07/12/2011, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Liên doanh P chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính của ông Lâm Chí B và bà Tôn Nữ Mai T đến Chi cục Thuế Quận B, Thành phố H theo Quyết định giao đất số 5117/QĐ-UBND ngày 26/10/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Chi cục Thuế Quận B đã ban hành Thông báo số 9181-11/TBCCT-TBA ngày 11/01/2012 yêu cầu ông B và bà T phải nộp lệ phí trước bạ và nộp tiền sử dụng đất là 155.000.800 đồng (trong đó tiền sử dụng đất là 151.845.400 đồng và lệ phí trước bạ là 3.155.400 đồng).

Do ông B và bà T chưa nộp tiền theo Thông báo số 9181-11/TBCCT-TBA ngày 11/01/2012 nên căn cứ Công văn 3552 CT-QLĐ ngày 19/06/2013 của Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh về việc thu tiền sử dụng đất tại Khu A Khu đô thị mới P có nội dung: “...Đối với các trường hợp hộ gia đình, cá nhân Chi cục Thuế Quận B đã Thông báo thu nhưng sau ngày 09/03/2012 chưa thực hiện nộp tiền thì Chi cục Thuế Quận B căn cứ Bảng giá đất năm 2013 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành để tính ra thông báo thu theo quy định”, Chi cục Thuế Quận B đã tính và ban hành lại hai Thông báo cùng số

9181-11/TB-CCT-TBA cùng ngày 06/09/2013 yêu cầu ông B và bà T phải nộp lệ phí trước bạ là 3.155.400 đồng và nộp tiền sử dụng đất là 151.845.400 đồng và chuyển cho Công ty P để gửi đến ông B và bà T.

Tại Văn bản số 2187/TTg-KTN ngày 02/12/2010 của Thủ tướng chính phủ hướng dẫn về việc thu tiền sử dụng đất đối với khu đô thị mới P thì: "...Căn cứ vào thông báo của Cơ quan Thuế, Công ty trách nhiệm hữu hạn liên doanh P có trách nhiệm thu của khách hàng tiền sử dụng đất phù hợp với văn bản pháp luật trong từng trường hợp nêu trên để nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định;..." và căn cứ Công văn số 1876/CV-PMH ngày 24/07/2015 của Công ty P về việc thông báo cho Chi cục Thuế Quận B biết ông B đã được Công ty P mời đến để nhận thông B nộp tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ, nhưng không đến nhận nên Chi cục Thuế Quận B đã ban hành Thông báo số 6011/TB-CCT-TB ngày 15/6/2016, phạt ông B và bà T số tiền 86.288.900 đồng trên số tiền lệ phí trước bạ và tiền sử dụng đất mà ông B và bà T chậm nộp 155.000.800 đồng (tính từ ngày 16/10/2013 đến ngày 15/6/2016).

Ngày 15/6/2016, bà Phạm Nguyễn Hoàng Kim N là đại diện theo ủy quyền của ông B và bà T đã nộp đủ lệ phí trước bạ và tiền sử dụng đất theo Thông báo số 9181-11/TB-CCT-TBA ngày 06/09/2013 và đến ngày 20/6/2016 thì bà N cũng đã nộp đủ số tiền phạt theo Thông báo số 6011/TB-CCT-TB ngày 15/6/2016 vào ngân sách nhà nước.

Nay với yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Chí B, Chi cục Thuế Quận B không đồng ý, yêu cầu Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Chí B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phát triển P có ông Lê Hạnh K là người đại diện hợp pháp trình bày:

Tại Thông báo nộp lệ phí trước bạ và tiền sử dụng đất số 9181-11/TB-CCT-TBA ngày 06/09/2013, Chi cục Thuế Quận B đã yêu cầu ông Lâm Chí B và bà Tôn Nữ Mai T phải nộp số tiền sử dụng đất là 151.845.400 đồng và nộp lệ phí trước bạ là 3.155.400 đồng đối với phần đất được giao theo Quyết định giao đất số 5117/QĐ-UBND ngày 26/10/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Cùng ngày, Công ty P đã nhận thông báo nêu trên do Chi cục Thuế Quận B giao để thực hiện quy định tại Điểm iii Khoản 10.1 Điều 10 của Hợp đồng mua bán nhà ký kết giữa ông Lâm Chí B và bà Tôn Nữ Mai T là: "Bên bán có nghĩa vụ thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật hiện hành để xin cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà cho bên mua sau khi bên mua hoàn tất nghĩa vụ thanh toán".

Ngày 11/9/2013, Công ty P đã gửi cho ông Lâm Chí B Văn bản số 2930/PMH-CV.13 ngày 10/9/2013 để mời ông B đến Công ty để nhận các Thông báo số 9181-11/TB-CCT-TBA. Thư được gửi cho ông B theo 3 địa chỉ mà trước đó ông B đã cung cấp cho Công ty. Căn cứ giấy báo phát của Bưu điện thì ngày 18 và ngày 19/9/2013 ông B đã nhận được Văn bản số 2930/PMH-CV.13.

Tiếp đến, ngày 18/12/2014, Công ty P đã gửi cho ông B Văn bản số 3002/PMH/CV.14 ngày 17/12/2014 về việc khuyến cáo khách hàng là nên sớm nộp thuế để giảm bớt bất lợi. Thông báo này đã được bà Phạm Nguyễn Hoàng

Kim N là người đại diện hợp pháp của ông B bà T nhận vào ngày 22/12/2014.

Ngoài việc thông báo bằng văn bản, Công ty còn nhiều lần liên lạc với ông B qua điện thoại về việc nhận thông báo nộp tiền sử dụng đất, nhưng đến ngày 14/06/2016 bà N mới đến nhận thông báo nêu trên tại Công ty. Ngày 17/8/2016 bà N đã nhận Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với căn hộ nói trên do Công ty P bàn giao.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng mua bán nhà đối với căn hộ nói trên, Công ty P đã thực hiện đúng các nghĩa vụ của mình như đã được quy định tại hợp đồng. Việc chậm trễ hoàn tất nghĩa vụ tài chính đối với nhà đất mua bán là do lỗi của khách hàng, do đó khách hàng phải tự chịu trách nhiệm về lỗi chậm trễ này theo quy định tại Khoản 5.2 Điều 5 của Hợp đồng: “Trong quá trình thực hiện thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà bên mua phải lập, cung cấp giấy tờ cần thiết, và/hoặc thực hiện các thủ tục theo thông báo của bên bán hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền để tránh sự chậm trễ. Nếu không thực hiện đúng, bên mua phải tự chịu trách nhiệm cho bất kỳ sự chậm trễ nào và/hoặc phải chịu tự thực hiện các thủ tục xin cấp giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà cho căn hộ”.

Do đó, Công ty P đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Tôn Nữ Mai T có ông Đỗ Thanh B là người đại diện hợp pháp thống nhất với trình bày và yêu cầu của ông Lâm Chí B.

Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 02/2017/HC-ST ngày 31/5/2017, Tòa án nhân dân Quận 7 đã quyết định như sau:

Căn cứ Điều 7, Khoản 1 Wefi 30, Khoản 1 Điều 31, Điều 115, Khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính;

Áp dụng Điểm a Khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính;

Áp dụng Luật Quản lý thuế;

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu của ông Lâm Chí B về yêu cầu Tòa án hủy thông báo số 6011/TB-CCT-TB ngày 15/6/2016 của Chi cục Thuế Quận B và yêu cầu hoàn trả số tiền 86.288.900 đồng đã nộp vào ngân sách nhà nước và khoản lãi phát sinh.

2. Về án phí: Ông Lâm Chí B phải chịu án phí hành chính sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng được căn trừ 200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2012/07413 ngày 10/01/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận B, ông Lâm Chí B còn phải nộp 100.000 (Một trăm nghìn đồng) đồng tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Ngày 09 tháng 6 năm 2017, ông Lâm Chí B có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, với lý do: quyền và lợi ích của ông B chưa bảo đảm theo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- Người khởi kiện là ông Lâm Chí B có ông Đỗ Thanh B là người đại diện hợp pháp vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo. Người đại diện hợp pháp của ông B và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông B đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng Điều 118 Luật Quản lý Thuế năm 2006; Điều 74 Thông tư 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính quy định về việc xử lý số thuế nộp thừa, số thuế nộp thiếu sau khi có quyết định giải quyết của cơ quan có thẩm quyền và Khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, sửa bản án sơ thẩm, hủy Thông báo (Tiền thuế nợ, tiền phạt và tiền chậm nộp) số 6011/TB-CCT-TB ngày 15/6/2016 của Chi cục Thuế Quận B, Chi cục Thuế Quận B phải hoàn trả lại cho ông B số tiền phạt đã nộp là 86.288.900 đồng đã nộp vào ngân sách nhà nước và bồi thường thiệt hại cho ông B và bà T khoản lãi phát sinh từ ngày 20/6/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm (tạm tính 11 tháng) vì đến ngày 14/06/2016 bà Phạm Nguyễn Hoàng Kim N là người đại diện theo ủy quyền của ông B, bà T mới nhận được Thông báo số 9181-11/TB-CCT-TBA ngày 06/09/2013 của Chi cục Thuế Quận B nên ông B không có chậm trễ trong việc nộp tiền sử dụng đất.

- Người bị kiện là Chi cục Thuế Quận B có bà Đào Thị Tuyết H là người đại diện hợp pháp vắng mặt, nhưng có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện bà Phan Thị Kim T trình bày: Chi cục Thuế Quận B ban hành Thông báo số 6011/TB-CCT-TB là đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Sau khi ban hành Thông báo số 9181/TB-CCT-TB, Chi cục Thuế Quận B đã giao Công ty P để Công ty P giao cho ông B, bà T là đúng hướng dẫn tại Văn bản số 2187/TTg-KTN ngày 02/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ hướng dẫn việc thu tiền sử dụng đất đối với khu đô thị mới P. Theo thông báo của Công ty P thì Công ty đã nhiều lần mời ông B và bà T đến nhận thông báo nêu trên, nhưng ông B và bà T không đến nhận. Từ năm 2014, Chi cục Thuế Quận B đã ban hành Thông báo số 1202/TB-CCT-TB về tiền thuế nợ Ngân sách nhà nước gửi ông B và bà T theo địa chỉ 174 M, Quận S nhưng ông B và bà T cũng không đến. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty Trách nhiệm hữu hạn P có ông Lê Hạnh K là người đại diện hợp pháp trình bày: Trong quá trình thực hiện hợp đồng mua bán nhà đối với căn hộ nói trên, Công ty P đã thực hiện các nghĩa vụ của mình như đã được quy định tại hợp đồng. Sau khi nhận được các thông báo nộp tiền sử dụng đất của Chi cục Thuế Quận B, Công ty P đã gửi đầy đủ và đúng thời hạn đến cho ông B theo địa chỉ mà ông B đã cung cấp trong hợp đồng. Việc chậm trễ hoàn tất nghĩa vụ thuế là do lỗi của khách hàng nên khách hàng phải tự chịu trách nhiệm về lỗi chậm trễ này. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Tôn Nữ Mai T có ông Đỗ Thanh B là người đại diện hợp pháp thống nhất với lời trình bày và yêu cầu kháng cáo của ông B.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

+ Về việc chấp hành pháp luật tố tụng trong giai đoạn phúc thẩm: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

+ Về kháng cáo của ông Lâm Chí B:

Việc Chi cục Thuế Quận B chuyển giao Thông báo nộp lệ phí trước bạ và nộp tiền sử dụng đất số 9181-11/TB-CCT-TBA ngày 06/09/2013 do Chi cục Thuế Quận B ban hành cho Công ty P để Công ty P giao cho ông B, bà T là đúng hướng dẫn tại Văn bản số 2187/TTg-KTN ngày 02/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ (hướng dẫn việc thu tiền sử dụng đất đối với khu đô thị mới P). Công ty P đã phát hành Văn bản số 2930/PMH-CV.13 ngày 10/9/2013 gửi cho ông B, bà T tại các địa chỉ: R4-49 phường T, Quận B; 8-B5-4 phường T, Quận B; 328 Võ Văn Kiệt, phường C, Quận M để mời ông B và bà T đến Công ty nhận các Thông báo nêu trên, nhưng theo Biên nhận ngày 22/6/2011 thì ông B cung cấp cho Công ty P địa chỉ R1-49, Quận B không phải R4-49, Quận B như giấy báo phát ghi; còn địa chỉ tại 8-B5-4 và 328, Công ty P không chứng minh được phía ông B, bà T cung cấp cho Công ty các địa chỉ này. Theo Hợp đồng mua bán nhà ký kết giữa các bên chỉ thể hiện địa chỉ của ông B là 174 M, Quận S và tại Điều 10 của Hợp đồng này, các bên có thỏa thuận là: “Các văn bản được coi là đã nhận được nếu được gửi đi địa chỉ của các bên như trên tại phần đầu của hợp đồng”. Như vậy, việc Công ty P gửi Văn bản số 2930/PMH-CV.13 cho ông B và bà T theo 3 địa chỉ trên là không đúng. Ngày 14/6/2016, bà N là người đại diện theo ủy quyền của ông B và bà T mới nhận được Thông báo số 9181-11/TB-CCT-TBA ngày 06/09/2013 của Chi cục Thuế Quận B và ngày 15/6/2016 đã đến nộp là không có chậm trễ trong việc nộp. Việc Chi cục Thuế Quận B căn cứ xác nhận của Công ty P về việc đã giao Văn bản số 2930/PMH-CV.13 cho ông B và bà T nhưng không đến nhận để thực hiện, xác định ông B chậm nộp tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ để ra thông báo phạt ông B, bà T 86.288.900 đồng là chưa đủ cơ sở.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Khoản 2 Điều 241, Điều 116 Luật quản lý thuế, Điều 74 Thông tư số 156 chấp nhận kháng cáo của ông B, sửa bản án sơ thẩm, hủy Thông báo số 6011 của Chi cục Thuế Quận B; Chi cục Thuế Quận B có trách nhiệm hoàn trả cho ông B, bà T số tiền 86.288.900 đồng đã nộp và phải bồi thường thiệt hại cho ông B số tiền theo mức lãi suất cơ bản trên số tiền phạt chậm nộp mà ông B và bà T đã nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện là Chi cục Thuế Quận B có bà Đào Thị Tuyết H là người đại diện hợp pháp vắng mặt nhưng có đơn đề ngày 25/8/2017 đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Khoản 4 Điều 225 của Luật Tố tụng Hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt Chi cục Thuế Quận B.

[1.2] Về đối tượng, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Thông báo số 6011/TB-CCT-TB ngày 15/6/2016 của Chi cục Thuế Quận B là quyết định hành chính trong quản lý nhà nước về thuế được áp dụng đối với ông Lâm Chí B và bà Tôn Nữ Mai T. Từ ngày 25/11/2016, ông Lâm Chí B đã có đơn khởi kiện đối với Thông báo nêu trên được Tòa án nhân dân Quận 7 nhận ngày 27/11/2016. Căn cứ Khoản 1 và Khoản 2 Điều 3, Khoản 1 Điều 30, Khoản 1 Điều 31, Điểm a Khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng Hành chính năm 2015, thì Thông báo nêu trên là quyết định hành chính bị kiện, đơn khởi kiện của ông B là còn thời hiệu khởi kiện, Tòa án nhân dân Quận 7 thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] Về kháng cáo của ông Lâm Chí B:

[2.1] Về trình tự thủ tục, thẩm quyền ban hành Thông báo số 6011/TB-CCT-TB:

Sau khi ban hành Thông báo số 9181-11/TB-CCT-TBA ngày 06/09/2013, yêu cầu ông Lâm Chí B và bà Tôn Nữ Mai T phải nộp tiền sử dụng đất là 151.845.400 đồng và lệ phí trước bạ là 3.155.400 đồng (tổng cộng 155.000.800 đồng) đối với phần đất được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giao theo Quyết định giao đất số 5117/QĐ-UBND ngày 26/10/2011, nhưng đến ngày 15/6/2016, ông B và bà T mới nộp số tiền nêu trên vào ngân sách nhà nước, Chi cục Thuế Quận B xác định ông B, bà T có hành vi chậm nộp thuế so với thời hạn ghi trong thông báo của cơ quan quản lý thuế nên đã ban hành Thông báo tiền thuế nợ, tiền phạt và tiền chậm nộp số 6011/TB-CCT-TB ngày 15/6/2016 đối với ông B và bà T là đúng trình tự, thủ tục và đúng thẩm quyền được quy định tại Khoản 1 Điều 106 Luật Quản lý thuế năm 2006 được sửa đổi, bổ sung năm 2012; Điều 1 và Khoản 5 Điều 2 của Quyết định số 503/QĐ-TCT ngày 29/3/2010 của Tổng cục Thuế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Thuế trực thuộc Cục Thuế.

[2.2] Về việc chuyển giao hai Thông báo cùng số 9181-11/TB-CCT-TBA cùng ngày 06/09/2013 từ Chi cục Thuế Quận B cho Công ty P:

Căn cứ vào sự thừa nhận của Chi cục Thuế Quận B và Công ty P thì sau khi ban hành hai Thông báo cùng số 9181-11/TB-CCT-TBA cùng ngày 06/9/2013, Chi cục Thuế Quận B không có giao trực tiếp cho ông B và bà T mà chuyển giao cho Công ty P vào ngày 06/9/2013 để Công ty P giao cho ông B và bà T.

Căn cứ Văn bản số 2187/TTg-KTN ngày 02/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ hướng dẫn việc thu tiền sử dụng đất đối với khu đô thị mới P thì: "...Căn cứ vào thông báo của Cơ quan Thuế, Công ty trách nhiệm hữu hạn liên doanh P có trách nhiệm thu của khách hàng tiền sử dụng đất phù hợp với văn bản pháp luật trong từng trường hợp nêu trên để nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định;..."

Và theo Hợp đồng mua bán nhà số H562392-2010/PMH/CN-R1-3 lập ngày 14/10/2010 thì giữa ông Lâm Chí B và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Liên doanh P có thỏa thuận như sau: "Trong quá trình thực hiện thủ tục xin cấp GCNQSHN, Bên mua phải lập, cung cấp các giấy tờ cần thiết, và/hoặc thực hiện các thủ tục theo thông báo của Bên bán hoặc yêu cầu của cơ quan thẩm quyền để tránh sự chậm trễ. Nếu không thực hiện đúng Bên mua phải tự chịu trách nhiệm cho bất kỳ sự chậm trễ nào và/hoặc phải tự thực hiện các thủ tục xin cấp GCNQSH cho căn hộ" (quy định tại Khoản 5.2 Điều 5); "Bên bán thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật hiện hành để xin cấp GCNQSH cho Bên mua sau khi Bên mua hoàn tất nghĩa vụ thanh toán" (quy định tại Điểm iii Khoản 10.1 Điều 10); "Các văn bản được coi là đã nhận được nếu gửi đến địa chỉ của các bên như nêu tại phần đầu của hợp đồng này bằng thư, điện tín, fax hoặc giao tay..." (quy định tại Điều 13).

Sau khi nhận được hai Thông báo số 9181-11/TB-CCT-TBA của Chi cục Thuế Quận B, Công ty P đã ban hành Văn bản số 2903/PMH-CV.13 ngày 10/9/2013 mời ông B, bà T đến tại Công ty P để nhận và có yêu cầu ông B và bà T phải hoàn tất nộp tiền tiền sử dụng đất trước ngày 14/10/2013, đồng thời thông báo cho ông B, bà T biết việc không đến nhận Thông báo để nộp tiền đúng hạn theo quy định của cơ quan thuế sẽ gây bất lợi về số tiền mà ông B và bà T phải nộp.

Như vậy, việc Chi cục Thuế Quận B chuyển giao cho Công ty P hai Thông báo số 9181-11/TB-CCT-TBA cùng ngày 06/09/2013 để Công ty P giao cho ông B và bà T đã được thực hiện đúng theo hướng dẫn tại văn bản của Thủ tướng Chính phủ như nêu trên và đúng theo thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng mua bán nhà số H562392-2010/PMH/CN-R1-3.

Phía ông B cho rằng việc Chi cục Thuế không trực tiếp gửi Thông báo số 9181-11/TB-CCT-TBA mà để Công ty P thực hiện là trái quy định của pháp luật là không có cơ sở.

[2.3] Về việc Chi cục Thuế Quận B xác định thời gian chậm nộp tiền sử dụng đất và số tiền phạt do chậm nộp của ông B, bà T:

Như trên đã nêu, sau khi nhận được hai Thông báo số 9181-11/TB-CCT-TBA, Công ty P đã ban hành Văn bản số 2903/PMH-CV.13 ngày 10/9/2013 mời ông B, bà T đến tại Công ty P để nhận hai Thông báo nêu trên và có yêu cầu ông B và bà T phải hoàn tất nộp tiền tiền sử dụng đất trước ngày 14/10/2013.

Theo Công ty P, căn cứ vào các giấy báo phát của bưu điện, Công ty xác định từ ngày 13 và 14/9/2013 Công ty đã gửi cho ông B, bà T Văn bản số 2903/PMH-CV.13 theo các địa chỉ sau: 328, phường C, Quận M, TP.HCM; R1-49, Quận B, TP.HCM và 8-B5-4 phường T, Quận B, TP.HCM, trong đó, địa chỉ tại Phường T, Quận B, TP.HCM là do ông B cung cấp cho Công ty tại Biên

nhận số 002055 lập ngày 22/6/2011 lập giữa Công ty P với ông B; địa chỉ tại 8-B5-4 phường T, Quận B, TP.HCM là địa chỉ căn hộ mà ông B và bà T mua của Công ty P; địa chỉ tại 328 phường C, Quận M, TP.HCM là địa chỉ ông B, bà T cung cấp cho Công ty P qua điện thoại, tuy nhiên ông B và bà T không có đến Công ty nhận để thực hiện.

Phía ông B thì cho rằng cho đến trước ngày 14/6/2016, ông B và bà T không hề nhận được Văn bản số 2903/PMH-CV.13 của Công ty P nên không biết việc Chi cục Thuế Quận B ban hành Thông báo số 9181-11/TB-CCT-TBA. Đến ngày 14/9/2016 thì bà Phạm Nguyễn Hoàng Kim N là người đại diện hợp pháp của ông B, bà T mới nhận được thông báo nêu trên do Công ty P giao và ngay sau đó ngày 15/6/2016, bà N đã nộp số tiền nêu trên vào ngân sách nhà nước.

Qua ý kiến nêu trên của các bên đương sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Căn cứ vào các Giấy báo phát có đóng dấu Bưu cục phát Nam Sài Gòn ngày 18/9/2013 và 19/9/2013 do Công ty P xuất trình thì có cơ sở xác định Văn bản số 2903/PMH-CV.13 ngày 10/9/2013 đã được gửi đến cho ông B và bà T theo các địa chỉ: 328 Phường C, Quận M, TP.HCM; R4-49 phường T, Quận B, TP.HCM; 8-B5-4 phường T, Quận B, TP.HCM vào ngày 13 và 14/9/2013. Tuy nhiên, theo Biên nhận số 002055 ngày 22/6/2011 lập giữa Công ty P với ông B thì địa chỉ ông B cung cấp cho Công ty P để Công ty liên lạc với ông là R1-49 phường T, Quận B, TP.HCM, không phải là R4-49 phường T, Quận B, TP.HCM như giấy báo phát nêu trên đã ghi; địa chỉ tại 8-B5-4 phường T, Quận B, TP.HCM tuy là địa chỉ căn hộ mà ông B và bà T mua của Công ty P, nhưng Công ty P không xuất trình được tài liệu chứng minh ông B và bà T hay bà N (là người được ông B và bà T ủy quyền) có yêu cầu Công ty P liên lạc với các ông bà theo địa chỉ này, đồng thời người ký nhận trong giấy báo phát tại địa chỉ này là “Trúc (giúp việc)”, không phải ông B hay bà T hay bà N; còn địa chỉ tại số 328, phường C, Quận M, TP.HCM thì theo Công ty P đây là địa chỉ ông B, bà T cung cấp cho Công ty P qua điện thoại, nhưng phía ông B phủ nhận điều này và khẳng định cho đến nay ông B và bà T vẫn đang cư trú tại số 174 đường X, Phường H, Quận S là địa chỉ ghi trong Hợp đồng mua bán nhà số H562392-2010/PMH/CN-R1-3, ông B và bà T không có ở tại 8-B5-4 phường T, Quận B hay R4-49 (hoặc R1-49) phường T, Quận B. Ngoài ra, Công ty P còn cho rằng có nhiều lần liên lạc với ông B và bà T qua điện thoại nhưng việc liên lạc qua điện thoại không có thể hiện nội dung Công ty P mời ông B và bà T đến Công ty để nhận Thông báo số 9181-11/TB-CCT-TBA vì Công ty không có lưu lại nội dung cuộc gọi.

Như vậy, việc Công ty P gửi cho ông B và bà T Văn bản số 2903/PMH-CV.13 tới các địa chỉ nêu trên là không đúng với địa chỉ của ông B và bà T cung cấp cho Công ty được ghi trong Hợp đồng mua bán nhà số H562392-2010/PMH/CN-R1-3 và trong Biên nhận số 002055 lập ngày 22/6/2011 nên không có cơ sở để xác định từ ngày 13 và 14/9/2013, Công ty P đã thực hiện xong nghĩa vụ thông báo cho ông B và bà T biết việc phải đến Công ty P nhận Thông báo số 9181-11/TB-CCT-TBA ngày 06/09/2013 của Chi cục Thuế Quận B để thực hiện nghĩa vụ tài chính theo thông báo này.

Do đó, việc Chi cục Thuế Quận B căn cứ xác nhận của Công ty P về việc ông B và bà T đã được Công ty P mời đến để nhận thông B nộp tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ từ ngày 13 và 14/9/2013, nhưng ông B và bà T không đến nhận, để ban hành Thông báo số 6011/TB-CCT-TB ngày 15/6/2016, phạt ông B và bà T số tiền 86.288.900 đồng trên số tiền lệ phí trước bạ và tiền sử dụng đất mà ông B và bà T chậm nộp 155.000.800 đồng (tính từ ngày 17/10/2013 đến ngày 15/6/2016 theo bảng kê chi tiết số tiền thuế nợ, tiền phạt và tiền chậm nộp) là chưa đủ căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm lại bác yêu cầu khởi kiện của ông B là không có cơ sở nên kháng cáo của ông B đề nghị áp dụng Điều 118 Luật Quản lý Thuế năm 2006 hủy Thông báo số 6011/TB-CCT-TB ngày 15/6/2016 của Chi cục Thuế Quận B; Chi cục Thuế Quận B có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông B và bà T số tiền phạt đã nộp là 86.288.900 đồng là có căn cứ được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[2.4] Về yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông B: Ông B yêu cầu Chi cục Thuế Quận B phải bồi thường thiệt hại cho ông khoản lãi phát sinh tính từ ngày 20/6/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm (31/5/2017) tạm tính 11 tháng, theo mức lãi suất cơ bản trên số tiền phạt 86.288.900 đồng mà ông B đã nộp vào ngân sách nhà nước ngày 20/9/2016, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy, tại Điều 74 Thông tư 156/2013/TT-BTC, Bộ Tài chính có hướng dẫn việc xử lý số thuế nộp thừa, số thuế nộp thiếu sau khi có quyết định giải quyết của cơ quan có thẩm quyền như sau:

34. Cơ quan thuế phải hoàn trả tiền thuế, số tiền phạt thu không đúng và trả tiền lãi tính trên số tiền nộp thừa của tiền thuế, tiền phạt thu không đúng cho người nộp thuế, bên thứ ba trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ra quyết định giải quyết khiếu nại hoặc từ ngày nhận được quyết định xử lý của cơ quan có thẩm quyền. Tiền lãi được tính theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố.

Quyết định xử lý của cơ quan có thẩm quyền bao gồm: Quyết định của cơ quan quản lý hành chính nhà nước có thẩm quyền hoặc bản án, quyết định của Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;.

Theo Quyết định số 2868/QĐ-TTNN ngày 01/12/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước thì mức lãi suất cơ bản được quy định là 9%/năm (tương đương 0,75%/tháng) nên thiệt hại của ông B và bà T được tính là: 86.288.900 đồng x 0,75%/tháng x 11 tháng = 7.118.834 đồng.

Như vậy, Chi cục Thuế Quận B phải bồi thường thiệt hại của ông B số tiền 7.118.834 đồng.

Kháng cáo của ông B yêu cầu Chi cục Thuế Quận B phải bồi thường thiệt hại cho ông và bà T là có căn cứ được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Như vậy, toàn bộ kháng cáo của ông B được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B, hủy Thông báo số 6011/TB-CCT-TB ngày 15/6/2016 của Chi cục Thuế Quận B; Chi cục Thuế Quận B có trách nhiệm hoàn lại cho ông B và bà T số tiền phạt đã nộp là 86.288.900 đồng và phải bồi thường thiệt hại cho ông B và bà T là 7.118.834 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện

Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cũng đề nghị với Hội đồng xét xử phúc thẩm nội dung như nêu trên.

[2.5] Về án phí hành chính sơ thẩm: Do Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B nên Chi cục Thuế Quận B phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Khoản 1 Phần III Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH). Ông B không phải chịu.

[2.6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại của ông B được chấp nhận nên Chi cục Thuế Quận B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 26, Khoản 7 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

[2.7] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là ông B không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Khoản 2 Phần III Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 4 Điều 225, Điểm a Khoản 2 Điều 241, Điều 242, Khoản 2 Điều 349 Luật Tổ tụng Hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 118 Luật Quản lý Thuế năm 2006;

Căn cứ Điều 74 Thông tư 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính về việc xử lý số thuế nộp thừa, số thuế nộp thiếu sau khi có quyết định giải quyết của cơ quan có thẩm quyền,

Căn cứ Khoản 2 Điều 26, Khoản 2 và Khoản 7 Điều 32, Khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điểm b Khoản 1.3 Phần II, Khoản 2 Phần III Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH);

I. Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2017/HC-ST ngày 31 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận 7, như sau:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Chí B:

1.1. Hủy Thông báo tiền thuế nợ, tiền phạt và tiền chậm nộp số 6011/TB-CCT-TB ngày 15/6/2016 của Chi cục Thuế Quận B.

1.2. Chi cục Thuế Quận B phải hoàn trả cho ông Lâm Chí B và bà Tôn Nữ Mai T số tiền phạt mà ông B và bà T đã nộp vào ngân sách nhà nước là

86.288.900 đồng (tám mươi sáu triệu hai trăm tám mươi tám ngàn chín trăm đồng).

1.3. Chi cục Thuế Quận B phải bồi thường thiệt hại cho ông Lâm Chí B và bà Tôn Nữ Mai T số tiền 7.118.834 đồng (bảy triệu một trăm mười tám ngàn tám trăm ba mươi bốn đồng).

1.4. Án phí hành chính sơ thẩm:

- Ông Lâm Chí B không phải chịu. Hoàn lại cho ông Lâm Chí B 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm ông B đã nộp theo Biên lai số AA/2012/07413 ngày 10/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B.

- Chi cục Thuế Quận B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

1.5. Án phí dân sự sơ thẩm: Chi cục Thuế Quận B phải chịu 355.941 đồng (ba trăm năm mươi lăm ngàn chín trăm bốn mươi một đồng).

II. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Lâm Chí B không phải chịu. Hoàn lại cho ông B 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm mà ông B đã nộp theo biên lai thu số AG/2012/07984 ngày 20/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B.

III. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND TP HCM;
- TAND Quận 7;
- Chi cục THA Dân sự Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Kim Thoa